

THÔNG BÁO

Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục thực tế năm học 2023-2024
(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Thông tin chung:					
1	Kết quả tuyển sinh	99	99			
2	Tổng số học sinh theo từng khối	323	99	78	73	73
3	Số HS bình quân/lớp theo từng khối	35	33	39	36	36
4	Số lượng HS học 02 buổi/ngày					
5	Số lượng HS nam/ HS nữ	157/166	41/58	39/39	37/36	40/33
6	Số HS là người dân tộc thiểu số	3	1	1	0	1
7	Số HS khuyết tật	5	1	3	0	1
8	Số lượng HS chuyển trường và tiếp nhận HS:					
	+ Số lượng HS chuyển đi	5	1	1	3	0
	+ Số lược HS tiếp nhận chuyển đến	9	1	1	4	3
II	Thông kê kết quả đánh giá học sinh					
	1. Số HS chia theo Hạnh kiểm/ Rèn luyện					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	279 86,38%	90 90,91%	57 73,08%	59 80,82%	73 100%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	41 12,69%	9 9,09%	18 23,08%	14 19,18%	0
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	3 0,93%	0	3 3,85%	0	0
4	Yếu/ Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
	2. Số HS chia theo Học lực/ Học tập					
1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	57 17,65%	15 15,15%	16 20,51%	14 19,18%	12 16,44%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	134 41,49%	40 40,4%	36 46,15%	29 39,73%	29 39,73%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	129 39,94%	44 44,44%	25 32,05%	28 38,36%	32 43,84%
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	3 0,929%	0	1 1,28%	2 2,74%	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
	3. Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
a	Học sinh xuất sắc (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	0	0	0	0	0
b	Học sinh giỏi (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	57	15	16	14	12
c	Học sinh tiên tiến (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	29	0	0	0	29
2	Thi lại (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	3	0	1	2	0
3	Lưu ban (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	0	0	0	0	0
4	Bị đuổi học (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	0	0	0	0	0
5	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	0	0	0	0	0
III	Số lượng HS được công nhận hoàn thành chương trình	323	99	78	73	73
IV	Số lượng HS được cấp bằng tốt nghiệp	73				73
1	Giỏi (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	12				12
2	Khá (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	29				29
3	Trung bình (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	32				32
V	Số lượng HS trúng tuyển vào các CSGD nghề nghiệp (Tỷ lệ/số học sinh)	6				6

Nơi nhận:

- CBGVVN nhà trường;
- Đăng tải Website đơn vị;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Đông